**1. Tên thủ tục hành chính**: **Quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước.**

**1.1. Trình tự, cách thức, thời gian giải quyết thủ tục hành chính**

| **TT** | **Trình tự thực hiện** | **Cách thức thực hiện** | **Thời gian giải quyết** | | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếp nhận hồ sơ | *Nhóm B* | *Nhóm C* |
| **Bước 1** | **Nộp hồ sơ thủ tục hành chính** | Nộp trực tiếp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. | Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút;  Chiều: từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ của các ngày làm việc. | | |  |
| **Bước 2**  **Bước 3** | **Tiếp nhận và chuyển hồ sơ thủ tục hành chính**    Giải quyết hồ sơ | **1.** Tiếp nhận và chuyển hồ sơ:  Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận và trả kết quả xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ theo quy định và cập nhật vào cơ sở dữ liệu của phần mềm một cửa điện tử của tỉnh:  a) Trường hợp Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành chưa xác định đầy đủ, chính xác, biểu mẫu báo cáo theo quy định (tại Điều 6 Thông số 10/2020/TT-BTC) công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do.  b) Trường hợp hồ sơ trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán chưa hợp lệ cần bổ sung thêm hồ sơ, chứng từ có liên quan của dự án;  theo quy định (tại Điều 7 Thông số 10/2020/TT-BTC) công chức tiếp nhận ghi rõ danh mục hồ sơ cần bổ sung vào phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Việc hướng dẫn chỉ được thực hiện đầy đủ 01 (một) lần theo quy định (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg). | - Chuyển ngay hồ sơ tiếp nhận trực tiếp trong ngày làm việc, hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày. | | |  |
| **2.** Giải quyết hồ sơ:  Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, công chức Phòng Tài chính- Kế hoạch báo cáo với Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch phân công cán bộ, công chức kiểm tra hồ sơ, tổ chức thẩm tra và trình phê duyệt kết quả thẩm tra:  a/ Thẩm tra quyết toán tính từ ngày cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán nhận đủ hồ sơ quyết toán (theo quy định tại Điều 7, Thông số 10/2020/TT-BTC) đến ngày trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.  b/ Phê duyệt quyết toán tính từ ngày người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhận đủ hồ sơ trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán (theo quy định tại Điều 19 Thông số 10/2020/TT-BTC) đến ngày ban hành quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.duyệt quyết toán dự án hoàn thành của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán đến ngày ban hành quyết định. | Thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán tính từ ngày nhận đủ hồ sơ quyết toán. Thời gian tối đa (bao gồm cả ngày nghỉ (thứ 7, chủ nhật, ngày Lễ)) quy định cụ thể như sau: | 116 ngày (04 tháng; bao gồm ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật, ngày Lễ)  20 ngày làm việc | 87 ngày (03 tháng;  bao gồm ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật, ngày Lễ)  15 ngày làm việc |  |
| **Bước 4** | **Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính** | - Công chức tiếp nhận và trả kết quả nhập vào sổ theo dõi hồ sơ và vào phần mềm một cửa điện tử thực hiện như sau:  - Thông báo cho tổ chức, cá nhân biết trước qua tin nhắn, thư điện tử, điện thoại hoặc qua mạng xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đối với hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trước hạn quy định.  - Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian, địa điểm ghi trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (xuất trình Giấy hẹn trả kết quả). Công chức trả kết quả kiểm tra phiếu hẹn và yêu cầu người đến nhận kết quả ký nhận vào sổ và trao trả kết quả. | Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút;  Chiều: từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ của các ngày làm việc. | | | |

**1.2. Thành phần, số lượng hồ sơ**

**1.2.1 Hồ sơ trình thẩm tra quyết toán**

**1.2.1.1** Thẩm tra đối với dự án hoàn thành, hạng mục công trình hoàn thành, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính). Trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, tờ trình phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và kiểm toán độc lập. Trường hợp các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra (sau đây gọi là thanh tra), kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, cơ quan pháp luật thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án, trong tờ trình chủ đầu tư phải nêu rõ việc chấp hành các kiến nghị, kết luận của các cơ quan trên.

b) Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo quy định tại Điều 6 Thông số 10/2020/TT-BTC (bản chính), bao gồm:

- Đối với dự án, dự án thành phần, tiểu dự án hoàn thành, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu gồm các Mẫu số: 01/QTDA, 02/QTDA, 03/QTDA, 04/QTDA, 05/QTDA, 06/QTDA, 07/QTDA, 08/QTDA.

c) Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan theo Mẫu số 02/QTDA (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính).

d) Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm các tài liệu (bản chính hoặc do chủ đầu tư sao y bản chính): Hợp đồng xây dựng và các phụ lục hợp đồng (nếu có); các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (quyết toán A-B); biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng liên quan đến nội dung thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

đ) Biên bản nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng (bản chính), văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính).

e) Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán (bản chính).

g) Báo cáo kiểm toán hoặc thông báo kết quả kiểm toán (sau đây gọi chung là báo cáo kiểm toán), kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm của các cơ quan Kiểm toán nhà nước, thanh tra, kiểm tra trong trường hợp các cơ quan này thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp dự án có vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra. Báo cáo của chủ đầu tư kèm các tài liệu liên quan về tình hình chấp hành các ý kiến của các cơ quan nêu trên.

**1.2.1.2** Thẩm tra đối với dự án quy hoạch, dự án chuẩn bị đầu tư sử dụng vốn chi đầu tư phát triển (nếu có), dự án dừng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính).

b) Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo quy định tại Điều 6 Thông số 10/2020/TT-BTC (bản chính), bao gồm:

- Đối với dự án quy hoạch, dự án chuẩn bị đầu tư, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn sử dụng nguồn vốn đầu tư của nhà nước, không có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu gồm các Mẫu số: 03/QTDA, 08/QTDA, 09/QTDA.

c) Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan theo Mẫu số 09/QTDA (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính).

d) Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm bản chính các tài liệu: Hợp đồng, các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán (trừ trường hợp chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị); các văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có), biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng (nếu có), bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (nếu có), biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng.

đ) Báo cáo kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành của kiểm toán độc lập trong trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán.

e) Báo cáo kiểm toán, kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm của các cơ quan Kiểm toán nhà nước, thanh tra, kiểm tra trong trường hợp các cơ quan này thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm, toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp chủ đầu tư vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra. Báo cáo của chủ đầu tư kèm các tài liệu liên quan về tình hình chấp hành các ý kiến của các cơ quan nêu trên.

**1.2.1.3** Chủ đầu tư có trách nhiệm xuất trình các tài liệu khác có liên quan để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán khi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán đề nghị bằng văn bản.

**1.2.2** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**1.2.3 Hồ sơ trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:**

Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán lập hồ sơ trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành để trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sau khi đã thẩm tra xong quyết toán. Hồ sơ trình phê duyệt quyết toán gồm:

a) Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán.

b) Dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo Mẫu số 11/QTDA kèm theo Thông số 10/2020/TT-BTC.

c) Trường hợp thành lập Tổ công tác thẩm tra quyết toán, người thẩm tra báo cáo Tổ thẩm tra quyết toán kết quả thẩm tra; Tổ thẩm tra quyết toán tham gia hoàn chỉnh, thông qua báo cáo thẩm tra quyết toán của người thẩm tra để trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

**1.2.4** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**1.3. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

**1.4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính**:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thị, thành phố.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân huyện thị, thành phố.

**1.5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo Mẫu số 11/QTDA ban hành kèm theo Thông số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020.

*1. Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện thị, thành phố (theo ủy quyền).*

*2. Báo cáo thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành*.

**1.6. Phí, lệ phí:** Không có.

**1.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**:

**-** Mẫu số: 01/QTDA, 02/QTDA, 03/QTDA, 04/QTDA, 05/QTDA, 06/QTDA, 07/QTDA, 08/QTDA, 09/QTDA ban hành kèm theo Thông số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020.

**1.8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

**1.9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

Thông số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước.

**10. Lưu hồ sơ (ISO)**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | **Bộ phận lưu trữ** | **Thời gian lưu** |
| - Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định và Báo cáo thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành;  - Hồ sơ thẩm định (kèm theo) Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. | Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị, thành phố | Từ 01 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của huyện, thị, thành phố |

**Mẫu số: 01/QTDA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
|  | *……….., ngày … tháng … năm...…* |

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp quyết toán dự án hoàn thành**

Kính gửi:…………………………………………

- Tên dự án:……………………… Giá trị tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối:………………………………...........…

- Tên dự án thành phần, tiểu dự án (nếu có): …………………… Giá trị tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối:………….........

- Tên công trình, hạng mục công trình hoàn thành (nếu có):…………… Giá trị dự toán được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối………………

- Chủ đầu tư:..................................................................

**I. Nguồn vốn đầu tư:**

*Đơn vị tính: đồng*

| **STT** | **Tên nguồn vốn** | **Theo Quyết định đầu tư điều chỉnh lần cuối** | **Thực hiện** | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kế hoạch** | **Đã thanh toán** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |
| 1 | Nguồn vốn đầu tư công |  |  |  |
| 1.1 | Ngân sách nhà nước |  |  |  |
|  | - Vốn ngân sách trung ương:  + Vốn hỗ trợ có mục tiêu và Chương trình mục tiêu quốc gia  + Vốn trái phiếu Chính phủ  + Vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ  + Vốn………….  - Vốn ngân sách địa phương |  |  |  |
| 1.2 | Nguồn vốn khác thuộc vốn đầu tư công |  |  |  |
| 2 | Nguồn vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh |  |  |  |
| 3 | Nguồn vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của nhà nước |  |  |  |
| 4 | Nguồn vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước |  |  |  |
| 5 | Nguồn vốn khác (nếu có) |  |  |  |

**II. Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán**:

*Đơn vị: đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung chi phí** | **Dự án (dự toán công trình, hạng mục công trình) được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối** | **Giá trị đề nghị quyết toán** | **Tăng, giảm so với dự án (dự toán công trình, hạng mục công trình) được duyệt** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|  | **Tổng số** |  |  |  |
| 1 | Bồi thường, hỗ trợ, TĐC |  |  |  |
| 2 | Xây dựng |  |  |  |
| 3 | Thiết bị |  |  |  |
| 4 | Quản lý dự án |  |  |  |
| 5 | Tư vấn |  |  |  |
| 6 | Chi khác |  |  |  |
| 7 | Dự phòng |  |  |  |

**III. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:**

1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:

2. Chi phí không tạo nên tài sản:

**IV. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nhóm** | **Giá trị tài sản (đồng)** |
|  | **Tổng số** |  |
| 1 | Tài sản dài hạn (tài sản cố định) |  |
| 2 | Tài sản ngắn hạn |  |

**V. Thuyết minh báo cáo quyết toán:**

1. Tình hình thực hiện dự án:

- Những thay đổi nội dung của dự án so với quyết định đầu tư được duyệt.:

+ Quy mô, kết cấu công trình, hình thức quản lý dự án, thay đổi Chủ đầu tư, hình thức lựa chọn nhà thầu, nguồn vốn đầu tư, tổng mức vốn đầu tư.

+ Những thay đổi về thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán được duyệt.

2. Nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án:

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước.

- Công tác quản lý vốn, tài sản trong quá trình đầu tư.

3. Kiến nghị:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **KẾ TOÁN TRƯỞNG** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu số: 02/QTDA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ, HỢP ĐỒNG**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | | **Tên văn bản** | **Ký hiệu; ngày tháng năm ban hành** | **Cơ quan ban hành** | **Giá trị được duyệt (nếu có)** | **Ghi chú** | |
| 1 | | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | |
| **I**  1  2  3  … | | **Các văn bản pháp lý** |  |  |  |  | |
| **II**  1  2  3  … | | **Hợp đồng** |  |  |  |  | |
| **III** | | **Kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước, kiểm tra, kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật**(Trường hợp không có thì phải ghi rõ là không có) |  |  |  |  | |
| 1  2  … | |  |  |  |  |  | |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | | *…….., ngày... tháng.... năm....* **CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* | | | |

**Mẫu số: 03/QTDA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**BẢNG ĐỐI CHIẾU**

**SỐ LIỆU CẤP VỐN, CHO VAY, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ**

**Nguồn vốn:**…………….............................................................…………………………….

Tên dự án: ……………………………………………………………………………………

Mã dự án……………

Tên công trình, hạng mục công trình:…………….............…..(trường hợp quyết toán công trình, hạng mục công trình)

Chủ đầu tư:..........................................

Tên cơ quan cho vay, thanh toán:................................................

**I. Tình hình cấp vốn, cho vay, thanh toán:**

*Đơn vị: đồng*

| **SốTT** | **Chỉ tiêu** | **Số liệu của chủ đầu tư** | | | | **Số liệu của cơ quan thanh toán** | | | | **Chênh lệch** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kế hoạch vốn** | **Số vốn đã đã cấp, cho vay, thanh toán** | | | **Kếhoạch vốn** | **Số vốn đã đã cấp, cho vay, thanh toán** | | |
| **Tổng số** | **Thanh toán KLHT** | **Tạm ứng** | **Tổng số** | **Thanh toán KLHT** | **Tạm ứng** |
| 1 | 2 | 3 | 4=5+6 | 5 | 6 | 7=8+9 | 8 | 9 | 10 | 11=4-7 | 12 |
| 1 | Lũy kế từ khởi công |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chi tiết hằng năm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Năm... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Năm …….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**II. Nhận xét, giải thích nguyên nhân chênh lệch, kiến nghị của cơ quan kiểm soát thanh toán, cho vay, cấp vốn:**

1. Nhận xét về việc chấp hành trình tự quản lý đầu tư, chấp hành chế độ quản lý tài chính đầu tư:……..

2. Giải thích nguyên nhân chênh lệch (nếu có): …….

3. Kiến nghị: ……….

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Ngày... tháng... năm....* **CHỦ ĐẦU TƯ** | | Ngày... tháng... năm... **CƠ QUAN THANH TOÁN, CHO VAY, CẤP VỐN** | |
| **KẾ TOÁN TRƯỞNG** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, đóng dấu,ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, đóng dấu,ghi rõ họ tên)* |
|  |  |  |  |

**Ghi chú:** Trường hợp dự án có nhiều cơ quan thanh toán, cho vay, cấp vốn, Chủ đầu tư có trách nhiệm đối chiếu số liệu thanh toán với từng cơ quan để tổng hợp báo cáo quyết toán của dự án.

**Mẫu số: 04/QTDA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN**

*Đơn vị: đồng*

| **TT** | **Nội dung chi phí** | **Dự án được duyệt hoặc điều chỉnh** | **Dự toán (TDT) được duyệt hoặc điều chỉnh** | **Kết quả thanh tra, kiểm toán (nếu có)** | **Giá trị đề nghị quyết toán** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|  | **Tổng số** |  |  |  |  |
| **I** | **Bồi thường, hỗ trợ, TĐC** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |
| **II** | **Xây dựng** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |
| **III** | **Thiết bị** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Quản lý dự án** |  |  |  |  |
| **V** | **Tư vấn** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |
| **VI** | **Chi phí khác** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |  |
| **VII** | **Dự phòng** |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **KẾ TOÁN TRƯỞNG** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *………..,ngày... tháng... năm...* **CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu số: 05/QTDA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**TÀI SẢN DÀI HẠN (TÀI SẢN CỐ ĐỊNH) MỚI TĂNG**

*Đơn vị: đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | | **Tên và ký hiệu tài sản; Quy mô,công suất (riêng đối với thiết bị ghi rõ thêm chủng loại, xuất xứ)** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | **Giá đơn vị** | **Tổng nguyên giá** | | **Ngày đưa TSDH vào sử dụng** | **Nguồn vốn đầu tư** | **Đơn vị tiếp nhận sử dụng** | |
| 1 | | 2 | 3 | | 4 | 5 | 6 | | 7 | 8 | 9 | |
|  | | **Tổng số** |  | |  |  |  | |  |  |  | |
| 1  2  … | |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | | | **KẾ TOÁN TRƯỞNG** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | | | | *…………,ngày... tháng... năm....* **CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* | | | |

**Mẫu số: 06/QTDA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**TÀI SẢN NGẮN HẠN BÀN GIAO**

*Đơn vị: đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | | **Danh mục** | | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Giá đơn vị** | | **Giá trị** | **Đơn vị tiếp nhận sử dụng** | |
| 1 | | 2 | | 3 | 4 | 5 | | 6 | 7 | |
|  | | **Tổng số** | |  |  |  | |  |  | |
| 1 | |  | |  |  |  | |  |  | |
| 2 | |  | |  |  |  | |  |  | |
| ... | |  | |  |  |  | |  |  | |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | | **KẾ TOÁN TRƯỞNG** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | | | | *………,ngày... tháng... năm....* **CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* | | |

*Ghi chú: Trường hợp không có nội dung phát sinh thì ghi rõ không có vào Mẫu biểu.*

**Mẫu số: 07/QTDA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**GIÁ TRỊ VẬT TƯ, THIẾT BỊ TỒN ĐỌNG**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | | **Danh mục** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | | **Giá đơn vị** | **Giá trị còn lại** | | **Đơn vị tiếp nhận hoặc xử lý theo quy định** |
| 1 | | 2 | 3 | 4 | | 5=3x4 | 6 | | 7 |
|  | | **Tổng số** |  |  | |  |  | |  |
| **I** | | **Vật tư, thiết bị tồn đọng giao cho đơn vị tiếp nhận:** | | | | | | | |
| 1  … | |  |  |  | |  |  | |  |
| **II** | | **Vật tư, thiết bị tồn đọng xử lý theo quy định:** | | | | | | | |
| 1  … | |  |  |  | |  |  | |  |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | | | | **KẾ TOÁN TRƯỞNG** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | | | *…………,ngày... tháng... năm....* **CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* | |

*Ghi chú: Trường hợp không có nội dung phát sinh thì ghi rõ không có vào Mẫu biểu.*

**Mẫu số: 08/QTDA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN**

*(Tính đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán)*

*Đơn vị: đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | | **Tên cá nhân, đơn vị thực hiện** | **Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện** | | **Giá trị được A-B chấp nhận thanh toán** | **Đã thanh toán, tạm ứng** | **Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán** | | | **Ghi chú** | |
| **Phải trả** | | **Phải thu** |
| 1 | | 2 | 3 | | 4 | 5 | 6 | | 7 | 8 | |
|  | | **Tổng số** |  | |  |  |  | |  |  | |
| 1 | |  |  | |  |  |  | |  |  | |
| 2 | |  |  | |  |  |  | |  |  | |
| ... | |  |  | |  |  |  | |  |  | |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | | | **KẾ TOÁN TRƯỞNG** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | | | | *…………,ngày... tháng... năm....* **CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* | | |

*Ghi chú: Trường hợp không có nội dung phát sinh thì ghi rõ không có vào Mẫu biểu.*

**Mẫu số: 09/QTDA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
|  | *…………, ngày … tháng … năm…..* |

**BÁO CÁO**

**Quyết toán dự án hoàn thành**

**Của Dự án:**……………………………..

*(Dùng cho dự án Quy hoạch, Chuẩn bị đầu tư và dự án bị dừng thực hiện vĩnh viễn)*

**I. Văn bản pháp lý**:

| **Số TT** | **Tên văn bản** | **Ký kiệu văn bản; ngày ban hành** | **Tên cơ quan duyệt (ban hành)** | **Tổng giá trị phê duyệt (nếu có)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **I** | **Hồ sơ pháp lý** |  |  |  |
|  | - Quyết định phê duyệt dự án, dự toán |  |  |  |
|  | - Chủ trương lập quy hoạch hoặc chuẩn bị đầu tư dự án |  |  |  |
|  | - Văn bản phê duyệt đề cương (đối với dự án quy hoạch) |  |  |  |
|  | - Văn bản phê duyệt dự toán chi phí |  |  |  |
|  | - Văn bản phê duyệt dự án (nhiệm vụ) quy hoạch hoặc chuẩn bị đầu tư |  |  |  |
|  | - Văn bản cho phép hủy bỏ hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn |  |  |  |
|  | - Các văn bản khác có liên quan |  |  |  |
|  | ….. |  |  |  |
| **II** | **Hợp đồng** |  |  |  |
| 1 | ... |  |  |  |
| ... | ... |  |  |  |
| **III** | **Kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước, kiểm tra, kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật**(trường hợp không có thì phải ghi rõ là không có) |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

**II. Thực hiện đầu tư**

1. Nguồn vốn đầu tư:

*Đơn vị: đồng*

| **Nguồn vốn đầu tư** | **Được duyệt** | **Thực hiện** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| **Tổng số** |  |  |  |
| 1. Nguồn vốn đầu tư công: |  |  |  |
| 1.2. Vốn NSNN |  |  |  |
| 1.2. Vốn đầu tư công khác |  |  |  |
| 2. Nguồn vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh |  |  |  |
| 3. Nguồn vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của nhà nước |  |  |  |
| 4. Nguồn vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước |  |  |  |
| 5. Nguồn vốn khác (nếu có) |  |  |  |

**2. Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán**:

*Đơn vị: đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung chi phí** | **Dự toán được duyệt** | **Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| **Tổng số** |  |  |  |
|  |  |  |  |

3. Số lượng, giá trị tài sản cố định hình thành sau đầu tư, tên đơn vị tiếp nhận quản lý và sử dụng tài sản (nếu có):

**III. Thuyết minh báo cáo quyết toán:**

1 .Tình hình thực hiện:

- Thuận lợi, khó khăn

- Những thay đổi nội dung của dự án so với chủ trương được duyệt.

2. Nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án:

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng của nhà nước

- Công tác quản lý vốn và tài sản trong quá trình đầu tư

3. Kiến nghị:

Kiến nghị về việc giải quyết các vướng mắc, tồn tại của dự án

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **KẾ TOÁN TRƯỞNG** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *………,ngày... tháng... năm....* **CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |